



# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244//2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Đình Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2013
		từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Văn Trường	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Tạ Thị Ngũ Linh	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Bùi Thanh Vân	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Văn Khải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

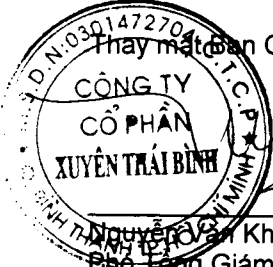

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Văn Khải  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61063721/16416848

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

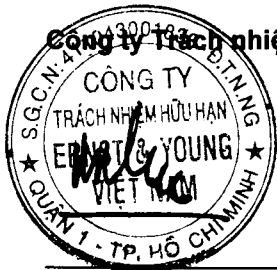
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề khác**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 1 tháng 3 năm 2013.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0048-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>227.181.846.900</b>	<b>106.741.997.155</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>6.280.443.828</b>	<b>3.491.751.947</b>
111	1. Tiền		6.239.283.828	1.865.751.947
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.160.000	1.626.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>10</b>	<b>149.828.958.329</b>	<b>37.691.961.743</b>
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		149.828.958.329	50.116.318.147
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(12.424.356.404)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>68.826.915.804</b>	<b>63.018.547.268</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	18.415.336.784	6.554.214.735
132	2. Trả trước cho người bán	6	50.173.423.871	50.244.332.533
135	3. Các khoản phải thu khác	7	238.155.149	6.220.000.000
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	<b>3.600.000</b>
141	1. Hàng tồn kho		-	3.600.000
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.245.528.939</b>	<b>2.536.136.197</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		55.839.271	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		249.891.813	86.195.631
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19.2	995.015.078	995.015.078
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	944.782.777	1.454.925.488
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>300.999.128.732</b>	<b>159.757.612.876</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>8.818.708.164</b>	<b>10.090.324.347</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.818.708.164	10.090.324.347
222	Nguyên giá		15.697.031.575	15.754.027.939
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.878.323.411)	(5.663.703.592)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>291.933.754.707</b>	<b>148.167.829.116</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		291.933.754.707	52.074.040.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	87.209.626.768
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	9.698.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(813.837.652)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>246.665.861</b>	<b>1.499.459.413</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		48.874.461	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.3	-	1.378.459.413
268	3. Tài sản dài hạn khác		197.791.400	121.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>528.180.975.632</b>	<b>266.499.610.031</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>52.282.086.791</b>	<b>13.220.812.379</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>51.161.573.291</b>	<b>12.904.111.379</b>
311	1. Vay ngắn hạn	11	9.500.000.000	-
312	2. Phải trả người bán	12	5.571.427.491	9.354.843.794
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		216.902.433	80.474.423
315	4. Phải trả người lao động		797.154.211	573.703.149
316	5. Chi phí phải trả		165.000.000	44.500.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	31.288.058.584	667.366.953
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.623.030.572	2.183.223.060
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.120.513.500</b>	<b>316.701.000</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	1.120.513.500	316.701.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>475.898.888.841</b>	<b>253.278.797.652</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>475.898.888.841</b>	<b>253.278.797.652</b>
411	1. Vốn cổ phần		200.500.000.000	115.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		226.238.904.236	108.518.904.236
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.756.899.134	5.756.899.134
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		5.756.899.134	5.756.899.134
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.646.186.337	17.746.095.148
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>528.180.975.632</b>	<b>266.499.610.031</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	90.730.000	90.730.000

*Bùi Xuân Tường*

Bùi Xuân Tường  
Người lập biểu

*Trần Anh Phương*

Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Văn Khải*  
Nguyễn Văn Khải  
Chủ tịch Hội đồng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.1	37.149.531.026	39.585.439.828
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18	(34.941.209.097)	(37.220.448.504)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		2.208.321.929	2.364.991.324
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	32.379.326.649	38.020.138.500
22 23	5. Chi phí tài chính Chi phí lãi vay	17	2.216.603.512 (14.561.556)	(14.303.093.860) -
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(12.120.811.698)	(7.897.358.469)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.683.440.392	18.184.677.495
31	8. Thu nhập khác		576.501	315.383.194
32	9. Chi phí khác		(593.849.897)	-
40	10. (Lỗ) thu nhập khác		(593.273.396)	315.383.194
50	11. Lợi nhuận trước thuế		24.090.166.996	18.500.060.689
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.2	(241.478.843)	(277.144.586)
52	13. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	19.3	(1.378.459.413)	1.378.459.413
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.470.228.740	19.601.375.516

*Bùi Xuân Tường*

Bùi Xuân Tường  
Người lập biểu

*Trần Anh Phương*  
*Nguyễn Văn Khải*

Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải  
Chủ Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>24.090.166.996</b>	<b>18.500.060.689</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	1.258.497.435	1.322.366.103
03	(Hoàn nhập dự phòng) trích lập dự phòng	17	(13.238.194.056)	8.271.985.512
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.705.173.650)	(32.702.981.330)
06	Chi phí lãi vay	17	14.561.556	-
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(15.580.141.719)</b>	<b>(4.608.569.026)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		2.739.206.873	35.396.542.823
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		3.600.000	(3.600.000)
11	Tăng các khoản phải trả		29.380.396.939	3.186.277.274
12	Tăng chi phí trả trước		(91.594.984)	-
13	Tiền lãi vay đã trả		(14.561.556)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.2	(241.478.843)	(30.861.864)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		2.092.054.000	1.450.394.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.051.234.358)	(2.427.324.300)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>14.236.246.352</b>	<b>32.962.858.907</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(19.081.818)
23	Tiền chi để mua cổ phiếu của đơn vị khác		(53.919.331.561)	(117.778.667.154)
24	Tiền thu hồi bán lại cổ phiếu của đơn vị khác		43.971.764.000	115.396.447.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(264.426.671.212)	(79.709.626.768)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.267.157.520	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.439.526.782	27.636.861.071
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(223.667.554.471)</b>	<b>(54.474.067.669)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	15.1	202.720.000.000	17.174.104.956
33	Tiền vay nhận được		46.944.000.000	-
34	Tiền vay đã trả		(37.444.000.000)	-
36	Cổ tức đã trả	15.2	-	(22.095.370.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		212.220.000.000	(4.921.265.044)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		2.788.691.881	(26.432.473.806)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.491.751.947	29.924.225.753
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	6.280.443.828	3.491.751.947

*Bùi Xuân Tường*

Bùi Xuân Tường  
Người lập biểu

*Trần Anh Phương*

Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Văn Khải*  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 11 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá vốn hàng mua được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

**3.6 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.7 Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.8 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

**3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.12 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.13 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ vay.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	60.408.907	41.774.965
Tiền gửi ngân hàng	6.178.874.921	1.823.976.982
Các khoản tương đương tiền	41.160.000	1.626.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.280.443.828</u></b>	<b><u>3.491.751.947</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi trị giá 2.216.226.649 VNĐ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	12.610.953.445	393.908.601
Bên thứ ba	5.804.383.339	6.160.306.134
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.415.336.784</u></b>	<b><u>6.554.214.735</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	50.130.000.000	50.100.000.000
Bên thứ ba	43.423.871	144.332.533
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.173.423.871</u></b>	<b><u>50.244.332.533</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức được chia	-	6.220.000.000
Khác	238.155.149	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>238.155.149</u></b>	<b><u>6.220.000.000</u></b>
Trong đó:		
Bên liên quan	-	6.220.000.000
Bên thứ ba	238.155.149	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	944.582.880	1.451.454.000
Tạm ứng	199.897	3.471.488
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>944.782.777</b>	<b>1.454.925.488</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	13.714.008.885	1.660.440.540	379.578.514	15.754.027.939
Chuyển sang chi phí trả trước	(25.300.000)	-	(31.696.364)	(56.996.364)
Số cuối năm	13.688.708.885	1.660.440.540	347.882.150	15.697.031.575
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	196.907.265	386.370.000	283.609.292	866.886.557
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	4.216.502.225	1.104.085.365	343.116.002	5.663.703.592
Khấu hao trong năm	1.111.578.078	128.815.227	18.104.130	1.258.497.435
Chuyển sang chi phí trả trước	(25.300.000)	-	(18.577.616)	(43.877.616)
Số cuối năm	5.302.780.303	1.232.900.592	342.642.516	6.878.323.411
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	9.497.506.660	556.355.175	36.462.512	10.090.324.347
Số cuối năm	8.385.928.582	427.539.948	5.239.634	8.818.708.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
<i>(Thuyết minh số 10.1)</i>		
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	149.828.958.329	50.116.318.147
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(12.424.356.404)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>149.828.958.329</b>	<b>37.691.961.743</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào công ty con <i>(Thuyết minh 10.2)</i>	291.933.754.707	52.074.040.000
Đầu tư vào công ty liên kết <i>(Thuyết minh 10.3)</i>	-	87.209.626.768
Đầu tư dài hạn khác	-	9.698.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>291.933.754.707</b>	<b>148.981.666.768</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	-	(813.837.652)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>291.933.754.707</b>	<b>148.167.829.116</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp khoản đầu tư vào cổ phiếu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

**10.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	5.200.000	110.909.626.768	-	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung ương	528.410	38.919.331.561	-	-
Công ty Cổ phần Đại Nam	-	-	47.000	4.700.000.000
Công ty Cổ phần Long Hậu	-	-	102.000	4.645.889.422
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	-	-	92.400	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	-	500.000	19.630.201.015
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bình Thạnh	-	-	500.000	15.383.480.728
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	-	-	150.000	2.256.746.982
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>149.828.958.329</b>		<b>50.116.318.147</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(12.424.356.404)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>149.828.958.329</b>		<b>37.691.961.743</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10.2 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	244.659.714.707	54.6	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100
Công ty TNHH Liên Thái Bình	22.274.040.000	100	22.274.040.000	100
Công ty Cổ phần Thương mại Pan (*)	-		4.800.000.000	80
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>291.933.754.707</b>		<b>52.074.040.000</b>	

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5503000010 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính đặt tại Xã Tân Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ vệ sinh và dịch vụ bảo trì, thi công cảnh quan đô thị và các dịch vụ hỗ trợ quản lý khác.

Công ty TNHH Liên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, vệ sinh và thương mại.

(\*) Vào ngày 12 tháng 12 năm 2013, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Pan theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

**10.3 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (*)	-	-	79.709.626.768	20,2
Công ty Cổ phần Cơ Điện Môi trường LILAMA	-	-	7.500.000.000	21,4
	-		<b>87,209,626,768</b>	

(\*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 25, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang ("AGF"). Theo đó, khoản đầu tư vào AGF đã được phân loại thành khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Thuyết minh số 10.1).

**11. VAY NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.500.000.000	-

Công ty thực hiện các khoản vay này để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	9.500.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2014	8,45%/năm	Tất cả các chứng khoán và tiền gửi của Công ty tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	5.274.058.852	8.977.715.741
Bên thứ ba	297.368.639	377.128.053
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.571.427.491</b>	<b>9.354.843.794</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ	31.200.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	83.342.584	152.524.944
Thù lao Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Kiểm soát ("BKS")	-	510.212.009
Khác	4.716.000	4.630.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.288.058.584</b>	<b>667.366.953</b>

**14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc phải trả	803.812.500	-
Nhận ký quỹ dài hạn	316.701.000	316.701.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.120.513.500</b>	<b>316.701.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên thứ ba</i>	853.061.700	-
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	267.451.800	316.701.000

## Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 15.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>							
Số đầu năm	115.500.000.000	108.248.900.000	(16.904.100.720)	5.756.899.134	5.756.899.134	20.976.262.132	239.334.859.680
Bán cổ phiếu quỹ	-	270.004.236	16.904.100.720	-	-	-	17.174.104.956
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	19.601.375.516	19.601.375.516
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(22.100.000.000)	(22.100.000.000)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(731.542.500)	(731.542.500)
Số cuối năm	115.500.000.000	108.518.904.236	-	5.756.899.134	5.756.899.134	17.746.095.148	253.278.797.652
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>							
Số đầu năm	115.500.000.000	108.518.904.236	-	5.756.899.134	5.756.899.134	17.746.095.148	253.278.797.652
Tăng vốn trong năm	85.000.000.000	117.720.000.000	-	-	-	-	202.720.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	22.470.228.740	22.470.228.740
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.960.137.551)	(1.960.137.551)
Trích khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-
Ban điều hành	-	-	-	-	-	(610.000.000)	(610.000.000)
Số cuối năm	200.500.000.000	226.238.904.236	-	5.756.899.134	5.756.899.134	37.646.186.337	475.898.888.841

Trong năm, Công ty đã phát hành 8.500.000 cổ phiếu mới cho các nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ Công ty lên 200.500.000.000 VNĐ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Bất thường số 2-12/2012/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 7 tháng 12 năm 2012. Việc phát hành cổ phiếu được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh ngày 5 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	VNĐ Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	115.500.000.000	115.500.000.000
Tăng trong năm	85.000.000.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>200.500.000.000</b>	<b>115.500.000.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	-	22.095.370.000
Cổ tức chưa chi trả	-	4.630.000

**15.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>20.050.000</b>	<b>200.500.000.000</b>	<b>11.550.000</b>	<b>115.500.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	20.050.000	200.500.000.000	11.550.000	115.500.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.050.000	200.500.000.000	11.550.000	115.500.000.000

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VNĐ Năm trước
<b>Doanh thu:</b>	<b>37.149.531.026</b>	<b>39.585.439.828</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ vệ sinh	34.941.209.097	37.156.407.258
Doanh thu cho thuê	2.208.321.929	1.973.749.107
Doanh thu khác	-	455.283.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**16. DOANH THU (tiếp theo)**

**16.2 Doanh thu tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	31.068.253.281	22.905.320.000
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.159.799.867	1.258.208.059
Lãi tiền gửi ngân hàng	151.273.501	8.670.376.222
Lãi từ thanh lý trái phiếu và cổ phiếu	-	5.186.234.219
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.379.326.649</u></b>	<b><u>38.020.138.500</u></b>

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý trái phiếu và cổ phiếu	6.714.353.132	-
Chi phí hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.375.015.866	-
Chi phí hoa hồng và môi giới	1.900.376.657	5.917.833.105
Chi phí lãi vay	14.561.556	-
Khác	17.283.333	113.275.243
(Hoàn nhập dự phòng) trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(13.238.194.056)	8.271.985.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(2.216.603.512)</u></b>	<b><u>14.303.093.860</u></b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.974.698.695	40.184.689.955
Chi phí nhân công	6.721.625.777	3.476.723.362
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	1.258.497.435	1.322.366.103
Chi phí mua hàng hóa	-	97.777.973
Chi phí khác	107.198.888	36.249.580
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.062.020.795</u></b>	<b><u>45.117.806.973</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Chi phí thuế TNDN**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	241.478.843	277.144.586
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.378.459.413	(1.378.459.413)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.619.938.256</b>	<b>(1.101.314.827)</b>

**19.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>24.090.166.996</b>	<b>18.500.060.689</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
Chi phí không được khấu trừ	1.248.750.900	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	803.812.500	-
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư	(5.513.837.652)	5.513.837.652
Thu nhập từ cổ tức	(31.068.253.281)	(22.905.320.000)
<b>(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>(10.439.360.537)</b>	<b>1.108.578.341</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>277.144.585</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	241.478.843	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>241.478.843</b>	<b>277.144.586</b>
Thuế TNDN phải thu đầu năm	(995.015.078)	(1.241.297.800)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(241.478.843)	(30.861.864)
<b>Thuế TNDN phải thu cuối năm</b>	<b>(995.015.078)</b>	<b>(995.015.078)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**19.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Biến động tài sản thuế TNDN trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	-	1.378.459.413	(1.378.459.413)	1.378.459.413
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	-	<b>1.378.459.413</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng</b>			<b>(1.378.459.413)</b>	<b>1.378.459.413</b>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm 2013 do không chắc chắn về thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Đầu tư hợp tác	108.000.000.000
		Góp vốn	40.800.000.000
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	3.219.700.000
		Lãi từ đầu tư hợp tác	1.159.799.867
		Chi phí thuê văn phòng	427.153.975
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Góp vốn	19.200.000.000
		Chi phí thuê văn phòng	515.637.823
		Đặt cọc thuê văn phòng	108.591.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Cổ đông lớn	Đầu tư hợp tác	140.401.493.013
		Mua trái phiếu	35.000.000.000
		Góp vốn	24.000.000.000
		Chi phí hợp tác đầu tư	2.375.015.866
Công ty TNHH Nguyễn Sài Gòn	Cổ đông lớn	Góp vốn	12.000.000.000
Quý đầu tư Populus	Cổ đông lớn	Góp vốn	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Công ty con	Cổ tức nhận được	28.274.886.000
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ vệ sinh	34.941.209.097
		Chuyển nhượng đầu tư	12.198.000.000
		Cổ tức nhận được	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Pan	Công ty con	Doanh thu nội bộ	1.500.066.785
		Cổ tức nhận được	3.920.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	Công ty liên kết	Doanh thu nội bộ	281.101.169
		Tặng vốn góp	31.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Môi trường LILAMA	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	2.600.000.000
		Cổ tức nhận được	375.000.000
Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	Góp vốn	18.000.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	Chi phí thuê văn phòng	541.612.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Phải thu</i> <i>(phải trả)</i>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Chuyển nhượng đầu tư Chi phí thuê văn phòng	12.493.559.245 117.394.200
			<b>12.610.953.445</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Đặt cọc mua chứng khoán Phí dịch vụ	50.100.000.000 30.000.000
			<b>50.130.000.000</b>
<b>Ký cược ngắn hạn</b>			
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	Ký quỹ thuê văn phòng	79.200.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Ký quỹ thuê văn phòng	108.591.400
			<b>187.791.400</b>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ vệ sinh	(5.274.058.852)
<b>Nợ dài hạn khác</b>			
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Ký quỹ thuê văn phòng	(189.189.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Ký quỹ thuê văn phòng	(78.262.800)
			<b>(267.451.800)</b>

Thu nhập của các thành Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương	4.403.706.797	2.830.629.890
Tiền thưởng	290.000.000	404.063.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.693.706.797</b>	<b>3.234.693.062</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**21. THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.689.735.900	504.000.000
Từ 1 đến 5 năm	2.394.998.274	2.016.000.000
Trên 5 năm	7.192.500.000	7.835.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.277.234.174</b>	<b>10.355.800.000</b>

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì lãi suất của các khoản vay là cố định trong suốt kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết của Công ty là 151.597.196.768 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44.628.280.000 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 15.159.719.677 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.462.828.000 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 15.159.719.677 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.462.828.000 VNĐ).

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

		VNĐ			
		<u>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</u>			
		<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>6 tháng – dưới 1 năm</i>		
<i>Tổng cộng</i>		<i>&lt; 6 tháng</i>	<i>Trên 1 năm</i>		
Số đầu năm	25.838.154.892	25.838.154.892	-	-	-
Số cuối năm	17.916.372.682	17.916.372.682	-	-	-

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

		VNĐ
		<i>Dưới 12 tháng</i>
<b>Số cuối năm</b>		
Vay		9.500.000.000
Phải trả người bán		5.571.427.491
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả		31.369.716.000
		<b><u>46.441.143.491</u></b>
<b>Số đầu năm</b>		
Phải trả người bán		9.354.843.794
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả		559.342.009
		<b><u>9.914.185.803</u></b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng các khoản đầu tư vào cổ phiếu và tiền tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Thuyết minh số 11).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

**24. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay, cụ thể như sau:

	<i>31 tháng 12 năm 2012 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>31 tháng 12 năm 2012 (được trình bày lại)</i>
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>			
Đầu tư vào công ty liên kết	79.709.626.768	7.500.000.000	87.209.626.768
Đầu tư dài hạn khác	17.198.000.000	(7.500.000.000)	9.698.000.000
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (được trình bày lại)</i>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>			
Giảm (tăng) các khoản phải thu	33.014.322.669	2.382.220.154	35.396.542.823
Tiền chi để mua cổ phiếu của đơn vị khác	-	(117.778.667.154)	(117.778.667.154)
Tiền thu hồi bán lại cổ phiếu của đơn vị khác	-	115.396.447.000	115.396.447.000

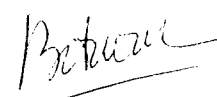
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào tháng 1 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại AGF theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20-12/2013/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2014, Công ty đã đệ trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu mới và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được hồ sơ ngày vào ngày 11 tháng 2 năm 2014. Theo đó, Công ty đăng ký phát hành mới 20.312.500 cổ phiếu cho cổ đông mới và cổ đông hiện hữu. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 18 tháng 3 năm 2013, với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 20.312.500. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 200.500.000.000 VNĐ lên 403.625.000.000 VNĐ.

Ngoại trừ các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.



Bùi Xuân Tường  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014